

Chính sách thương mại và đầu tư của Madagascar

Cộng hòa Madagascar là một quốc đảo nằm ở Ấn Độ Dương ngoài khơi phía đông châu Phi, có thủ đô là Antananarivo, diện tích 587.040 km² và dân số 22.585.517 người (2012). Tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Malagasy là ba ngôn ngữ chính thức. Đơn vị tiền tệ là đồng Malagasy ariary (MGA) với tỷ giá 1USD = 2.062,5 MGA. Tôn giáo gồm có tín ngưỡng cổ truyền 52%, Thiên chúa giáo 41% và đạo Hồi 7%.

1. Đôi nét về kinh tế và ngoại thương Madagascar

Từ giữa năm 90, Madagascar thực hiện chính sách kinh tế thị trường, theo đuổi chính sách tư nhân hóa và tự do hóa, khuyến khích nguồn vốn và đầu tư nước ngoài. Chiến lược này đã giúp Madagascar duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế đều và ổn định khoảng 6,2% giai đoạn 2002-2008. Madagascar có quan hệ hợp tác kinh tế chủ yếu với các nước phương Tây và châu Á.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, tiền viện trợ từ nước ngoài đóng góp tới một nửa ngân sách của Chính phủ Madagascar và khoảng 70% chi tiêu công, và trở thành nguồn tài trợ chính cho các lĩnh vực xã hội. Từ sau cuộc đảo chính vào tháng 3/2009, khoản tiền này đã bị cắt giảm 200 triệu USD/năm. Đến năm 2011, cuộc khủng hoảng chính trị tại Madagascar vẫn tiếp tục tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế, xã hội của đất nước. Tỷ lệ tăng trưởng GDP đạt thấp, khoảng 1%. Tuy nhiên, những dự báo cho thấy tốc độ tăng trưởng sẽ nhanh hơn trong năm 2012 (2,4 %) và năm 2013 (4,5 %).

Năm 2011, GDP cả nước đạt 9,4 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 430 USD. Trong cơ cấu kinh tế, nông nghiệp chiếm 28,8%, công nghiệp 16,8% và dịch vụ 54,6%

Nông nghiệp bao gồm cả thủy sản và lâm nghiệp chiếm 80% dân số và đóng góp hơn ¼ GDP. Nông sản chính gồm có: cà phê, vani (đứng đầu thế giới), đinh hương, hồ tiêu, gạo, bông, cao su, mía... và chiếm tới 90% kim ngạch xuất khẩu.

Mặc dù có nhiều tài nguyên thiên nhiên như graphite, cò-rôm, than, bauxite, đá quý, song công nghiệp khai khoáng chưa phát triển, chủ yếu tập trung vào công nghiệp chế biến thịt, thủy sản, dệt may, sản xuất bia, đường, xi măng, lắp ráp ô tô...

Về ngoại thương, năm 2011, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,4 tỷ USD với các mặt hàng xuất khẩu chính là cà phê, vanilla, đường, bông, crôm, sản phẩm dầu lửa... Các đối tác xuất khẩu chính gồm Pháp 26,3%, Mỹ 9,2%, Trung Quốc 8,5%, Đức 5,6%, Canada 4,4%, Tây Ban Nha 4,3%. Kim ngạch nhập khẩu đạt 3,6 tỷ USD với các mặt hàng nhập khẩu chính là xăng dầu, lương thực thực phẩm, thiết bị... Các đối tác nhập khẩu chính gồm Trung Quốc 14,6%, Pháp 11,4%, Nam Phi 6,4%, Ấn Độ 5,4%, Bahrain 4,6%, Mỹ 4,3%, Singapore 4,1%.

Những doanh nghiệp nước ngoài đặt tại các khu chế xuất của Madagascar đóng vai trò động lực phát triển ngoại thương, chiếm hơn 50% doanh thu xuất khẩu trong đó 70% là hàng dệt may. Quyết định của Hoa Kỳ tạm ngừng áp dụng Luật về tăng trưởng và cơ hội phát triển kinh tế tại châu Phi (AGOA) kể từ 1/10/2010 đã làm thiệt hại 25% doanh thu xuất khẩu dệt

may của Madagascar. Tuy nhiên, khoản thiệt hại này cuối cùng cũng được bù đắp bởi sự gia tăng các đơn hàng của EU, Nam Phi và của Trung Quốc.

Năm 2011 xuất khẩu hàng hóa của Madagascar đã tăng 4,2% chiếm 13,1 % GDP bất chấp cuộc khủng hoảng chính trị. Những sản phẩm xuất khẩu chủ lực gồm thực phẩm, khoáng sản và tôm. Xuất khẩu những mặt hàng này đã mang lại lần lượt là 352,9 triệu USD, 198,4 triệu USD và 66,7 triệu USD. Ngược lại, việc nhập khẩu đã giảm về khối lượng 0,8 %, bằng 33,8 % GDP. Những sản phẩm nhập khẩu chính gồm gạo, trị giá 85,6 triệu USD, sản phẩm dầu lửa 595,5 triệu USD (7 % GDP), đường 78,2 triệu USD và thực phẩm 294,9 triệu USD (3,4 % GDP). Nhập khẩu trang thiết bị và xi măng có sự giảm về giá trị lần lượt là 39,6 % và 15,9 %, do kết thúc giai đoạn xây dựng của các dự án lớn về đầu tư, nhất là trong lĩnh vực mỏ. Vì vậy, thâm hụt cán cân thương mại đã được cải thiện từ 12,3 % GDP năm 2010 xuống còn 6,7 % GDP năm 2011. Năm 2012 và 2013, thâm hụt thương mại sẽ tăng nhẹ trước khi ổn định ở mức 7,3% GDP.

2. Chính sách thương mại và đầu tư của Madagascar

Madagascar có một nền ngoại thương khá mở, là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực trong đó có Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Thị trường chung Đông và Nam Phi (COMESA), Cộng đồng phát triển miền Nam châu Phi (SADC) và Ủy ban Ấn Độ Dương (COI).

Nước này đã tiến hành tự do hóa chính sách thương mại kể từ phiên rà soát các chính sách thương mại lần đầu tiên của WTO năm 2001. Trừ những sản phẩm dầu lửa, tất cả các tỷ suất thuế hải quan đều tính theo giá trị hàng hóa với mức trung bình là 13%. Madagascar cũng đã có nhiều tiên bộ trong việc đơn giản hóa và tin học hóa thủ tục hải quan. Việc kiểm định hàng trước khi gửi đi không còn mang tính bắt buộc kể từ tháng 4/2007 nhưng buộc phải sử dụng hệ thống xử lý số liệu hải quan GasyNet với chi phí bằng 0,5% giá trị CIF của hàng hóa.

Là thành viên của Thị trường chung Đông và Nam Phi (COMESA) gồm 19 quốc gia trong đó 13 nước đã cùng thành lập một khu vực thương mại tự do (FTA) từ năm 2000, Madagascar áp dụng một biểu thuế hải quan chung đối với các nước ngoại khối: % đối với nguyên liệu và trang thiết bị, 10% đối với hàng hóa trung gian và 25% đối với hàng thành phẩm.

Madagascar cũng là một trong 79 nước khu vực ACP ký Hiệp định Cotonou với EU (có hiệu lực từ 1/3/2010), theo đó xuất khẩu hàng phi nông sản và phần lớn hàng nông nghiệp chế biến của Madagascar sang EU được hưởng thuế suất 0%.

Quốc đảo này cũng nằm trong số 37 nước châu Phi được hưởng Luật về tăng trưởng và cơ hội phát triển kinh tế tại châu Phi (AGOA) theo đó trên 98% hàng xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ được miễn thuế quan.

Madagascar đã tự do hóa giá của phần lớn hàng hóa và dịch vụ như những sản phẩm dầu lửa từ năm 2004 trừ một số trường hợp đặc biệt như kiểm soát về hành chính đối với giá thuốc hoặc theo dõi giá gạo-thức ăn cơ bản của người dân nước này.

Madagascar chia hàng hóa nhập khẩu thành 2 loại : hàng thương mại và hàng phi thương mại. Các thủ tục hải quan về nhập khẩu hàng thương mại phải được những người/công ty giao nhận vận tải có ủy quyền thực hiện.

Madagascar không có những rào cản thương mại phi thuế đáng kể. Chính phủ đã xây dựng những khu chế xuất để phục hồi xuất khẩu, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may. Các trang thiết bị nhập khẩu để sử dụng tại những khu chế xuất được miễn thuế hải quan.

Do khủng hoảng chính trị, nhiều cuộc cải cách nhằm phát triển lĩnh vực tư nhân đã bị chậm lại và Nhà nước vẫn phải kiểm soát hoặc giữ cổ phần tại nhiều doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực năng lượng, viễn thông, chế biến nông sản và vận tải hàng không. Mặt khác, trong khuôn khổ các cam kết của Chính phủ vào tháng 8/2011, để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của người dân, Nhà nước đã sử dụng những biện pháp nhập khẩu trực tiếp một số sản phẩm như gạo, đường, dầu ăn và bột mì, điều này không khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong những lĩnh vực liên quan.

Về đầu tư, tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Madagascar đã giảm mạnh do khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là do cuộc khủng hoảng chính trị kể từ năm 2009, kéo theo sự cô lập về ngoại giao. Tổng vốn FDI đã giảm từ 1,2 tỷ USD năm 2008 xuống còn 860 triệu USD năm 2010.

Madagascar có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú nhưng chất lượng kém và chi phí cơ sở hạ tầng cao (đường sá, điện, viễn thông, cảng, cước hàng không), khả năng tín dụng, các công cụ tài chính hạn chế và tình hình bất ổn chính trị từ năm 2009 là những trở ngại cho đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, tình hình hiện nay đang dần được cải thiện kéo theo sự quay trở lại của các nhà đầu tư. Các lĩnh vực thu hút lượng vốn FDI nhiều nhất là dầu lửa, vàng, crôm và uranium. Pháp, Maurice, Trung Quốc và Mỹ là những nhà đầu tư chính vào quốc đảo này.

Theo Luật đầu tư của Madagascar, các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài được bảo đảm an toàn về vốn, được tự do chuyển tiền, không bị trưng dụng tài sản và được đối xử bình đẳng. Các pháp nhân và thể nhân có thể hoạt động trong tất cả các lĩnh vực và nắm giữ toàn bộ vốn doanh nghiệp (trừ một số hoạt động như viễn thông cố định, bưu chính, vận tải và phân phối năng lượng, vận tải đường không và cảng). Theo chế độ hối đoái hiện hành, các khoản FDI không bắt buộc phải khai báo, xin phép trước hoặc kiểm tra.

Báo cáo Doing Business năm 2012 của World Bank ghi nhận những tiến bộ về cải thiện môi trường kinh doanh của Madagascar. Quốc đảo này đã tiến thêm 7 bậc khi chuyển từ vị trí 144 lên 137 trên tổng số 183 nước được xếp hạng. Tiêu chí thành lập doanh nghiệp đạt được điểm cao nhất đưa Madagascar từ vị trí 70 trong báo cáo trước đó lên vị trí 20, tức là tăng thêm 50 bậc. Số lượng các doanh nghiệp mới thành lập đã tăng 48,2 %, từ 13.977 năm 2010 lên 20.710 doanh nghiệp năm 2011.

Hoàng Đức Nhuận